

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GIỒNG RIỀNG
TỈNH KIÊN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 204/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 10 - 4 - 2025

V/v: “Tranh chấp hôn nhân và gia
đình - Ly hôn, nuôi con khi ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIỒNG RIỀNG, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Danh Thanh Phát.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Huỳnh Hoàng Nam.

2. Ông Hà Bửu Khánh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phan Đình Nguyên - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: Ông Trần Ngọc Nhiều - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 4 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 379/2024/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 7 năm 2024 về “Tranh chấp hôn nhân và gia đình - Ly hôn, nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 114/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 17 tháng 3 năm 2025, giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn:** Chị Nguyễn Kiều P, sinh năm: 1987 (có đơn đề nghị vắng mặt).

2. **Bị đơn:** Anh Phan Văn N, sinh năm: 1978 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Ấp T, xã B, huyện G, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai ngày 22/5/2024 và quá trình giải quyết vụ án, chị Nguyễn Kiều P là nguyên đơn trình bày:

Chị P và anh N tự nguyện kết hôn năm 2011, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện G; sau khi kết hôn vợ, chồng chung sống tại ấp T, xã B, huyện G, chung sống hạnh phúc đến cuối năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn trầm trọng do bất đồng quan điểm sống, không hợp tính tình. Do đó, chị P về nhà cha, mẹ ruột ở sống ly thân với anh N cho đến nay.

Quá trình chung sống chị P và anh N có hai người con là cháu Phan Hoàng A, sinh ngày 13/7/2012 và cháu Phan Quốc A1, sinh ngày 27/9/2019, kể từ thời điểm sống ly thân cháu Hoàng A do anh N nuôi, cháu Quốc A1 do chị nuôi, các cháu được hai bên chăm sóc, nuôi dưỡng ổn định đảm bảo sự phát triển về mọi mặt.

Chị P xác định không còn tình cảm nên cương quyết yêu cầu ly hôn với anh N.

Về con chung: Theo đơn khởi kiện, chị P yêu cầu được quyền nuôi cháu Hoàng A và cháu Quốc A1, yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con theo quy định. Tuy nhiên, theo biên bản làm việc ngày 09/10/2024 và tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ ngày 24/02/2025, chị P xác định hai bên không có tranh chấp việc nuôi con và đã thỏa thuận, chị P nuôi cháu Quốc A1, anh N nuôi cháu Hoàng A, không ai phải cấp dưỡng nuôi con; chị P tôn trọng nguyện vọng cháu Hoàng A (trên 07 tuổi) muốn chung sống với cha.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị P không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Anh Phan Văn N là bị đơn:

Không nộp văn bản thể hiện ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của chị P; không cung cấp tài liệu, chứng cứ để Tòa án xem xét.

Tòa án xác minh, thu thập chứng cứ:

Trưởng ấp T, xã B, huyện G cung cấp thông tin như sau: Ban lãnh đạo ấp không biết nguyên nhân phát sinh tranh chấp giữa anh N và chị P; về điều kiện nuôi con: Anh N đủ điều kiện nuôi con, cháu Phan Hoàng A được anh N và gia đình nuôi dưỡng ổn định, đảm bảo sự phát triển.

Phát biểu quan điểm của đại diện Viện kiểm sát:

Thẩm phán xác định quan hệ tranh chấp, tư cách đương sự, thẩm quyền giải quyết vụ án, xem xét việc thụ lý vụ án, cấp tổng đạt, thông báo các văn bản tố tụng; tiến hành thu thập chứng cứ đúng theo quy định. Tuy nhiên, vi phạm về thời hạn xét xử theo Điều 203 của Bộ luật tố tụng dân sự, đề nghị khắc phục.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và của nguyên đơn đã thực hiện đúng theo quy định. Đối với anh N chưa thực hiện đúng về quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Chị P và anh N tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn ngày 30/6/2011 tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện G, nên quan hệ hôn nhân của anh, chị là hợp pháp. Chị P xác định chung sống hạnh phúc đến cuối năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn trầm trọng và vợ chồng đã sống ly thân với nhau.

Quá trình giải quyết vụ án, chị P xác định không còn tình cảm với anh N nên cương quyết yêu cầu ly hôn, anh N không có ý kiến phản đối. Xét thấy, hôn nhân của chị P và anh N đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình, đề nghị chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị P đối với anh N.

Về con chung: Căn cứ Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình, đề nghị chấp nhận để chị P nuôi cháu Quốc A1, anh N nuôi cháu Hoàng A, không ai phải cấp dưỡng nuôi con. Về yêu cầu cấp dưỡng nuôi con: Chị P tự nguyện rút yêu cầu, đề nghị chấp nhận và đình chỉ xét xử.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị P không yêu cầu giải quyết, đề nghị không xét.

Về án phí: Đề nghị buộc chị P phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Chị Nguyễn Kiều P yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, nuôi con với anh Phan Văn N, đây là tranh chấp về ly hôn, nuôi con khi ly hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Anh Phan Văn N là bị đơn cư trú tại huyện G, tỉnh Kiên Giang. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh N. Tuy nhiên, anh N không đến Tòa án để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, phiên tòa là không thực hiện đúng về quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Do đó, Tòa án căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ do chị P giao nộp và do Tòa án thu thập để giải quyết vụ án, theo quy định tại khoản 1 Điều 96 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Chị P có đơn đề nghị xét xử vắng mặt hợp lệ; anh N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vắng mặt không lý do, không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Căn cứ vào điểm a, b khoản 1 Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt đương sự.

[2]. Về nội dung vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Chị P và anh N kết hôn năm 2011, hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 30/6/2011 tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện G, tỉnh Kiên Giang nên quan hệ hôn nhân giữa anh, chị là hợp pháp, kể từ thời điểm đăng ký kết hôn. Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và quá trình giải quyết vụ án, chị P xác định vợ, chồng chung sống hạnh phúc đến cuối năm 2022 thì xảy ra mâu thuẫn trầm trọng do bất đồng quan điểm sống, không hợp tính tình và hai bên đã sống ly thân với nhau cho đến nay, người nào chỉ biết bỏn phận người đó, không còn quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ nhau. Do đó, chị P và anh N đều vi phạm nghiêm trọng về quyền, nghĩa vụ của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tiến hành thủ tục hòa giải để giải quyết mâu thuẫn, tạo điều kiện hàn gắn tình cảm vợ, chồng cho chị P và anh N nhưng không đạt kết quả do chị P cương quyết yêu cầu ly hôn, anh N vắng mặt và không có ý kiến phản đối. Điều này cho thấy tình cảm vợ chồng của chị P và anh N đã phai nhạt, mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, chị P yêu cầu ly hôn với anh N là có cơ sở và phù hợp theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về con chung: Chị P và anh N có hai người con là cháu Phan Hoàng A, sinh ngày 13/7/2012 và cháu Phan Quốc A1, sinh ngày 27/9/2019. Chị P xác định: Hai bên không có tranh chấp việc nuôi con và đã thỏa thuận, chị P nuôi cháu Quốc A1, anh N nuôi cháu Hoàng A, không ai phải cấp dưỡng nuôi con; các con chung được hai bên chăm sóc, nuôi dưỡng ổn định đảm bảo sự phát triển về mọi mặt. Mặt khác, nguyện vọng cháu Hoàng A (trên 07 tuổi) muốn chung sống với cha là anh N. Căn cứ Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận để chị P nuôi cháu Quốc A1, anh N nuôi cháu Hoàng A.

Chị phụng và anh N được quyền đến thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung không ai được quyền cản trở.

Về yêu cầu cấp dưỡng nuôi con: Chị P xác định đủ điều kiện nuôi con nên tự nguyện rút yêu cầu. Xét thấy, việc rút yêu cầu về cấp dưỡng khi ly hôn của chị P là tự nguyện, không trái với quy định của pháp luật, căn cứ khoản 2 Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử chấp nhận và đình chỉ xét xử, hậu quả của việc đình chỉ yêu cầu đã rút đương sự có quyền khởi kiện lại.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị P không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét.

[3]. Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chị P phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm 300.000 đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng, theo biên lai thu tiền số 0002989 ngày 05/7/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang. Chị P đã nộp đủ án phí sơ thẩm.

[4]. Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát về việc giải quyết vụ án là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 96, khoản 4 Điều 147, điểm a - b khoản 1 Điều 238,

khoản 2 Điều 244, Điều 266, Điều 271, Điều 272 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình;

Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho chị Nguyễn Kiều P được ly hôn với anh Phan Văn N.

2. Về con chung: Chị Nguyễn Kiều P chăm sóc, nuôi cháu Phan Quốc A1, sinh ngày 27/9/2019; anh Phan Văn N chăm sóc, nuôi cháu Phan Hoàng A, sinh ngày 13/7/2012, không ai phải cấp dưỡng nuôi con. Chị P và anh N được quyền đến thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung không ai được quyền cản trở.

Đình chỉ xét xử yêu cầu về việc chị P1 yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Kiều P phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002989 ngày 05 tháng 7 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang; chị P đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Kiều P và anh Phan Văn N có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn luật định là 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKS ND huyện Giồng Riềng;
- THA huyện Giồng Riềng;
- UBND xã (nơi ĐKKH);
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Danh Thanh Phát

